

Số: 718/2020/QĐST-HNGĐ

*Gò Vấp, ngày 06 tháng 7 năm 2020*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN  
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân thụ lý số: 984/2019/HNST ngày 06 tháng 8 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Bà Ngô Thị H, sinh năm 1976.

Địa chỉ thường trú: Số 332 đường số 8, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: Số 602/51E đường Đ, Phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Lê Đình S, sinh năm 1969.

Địa chỉ thường trú: Số 332 đường số 8, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: P1.01.07 số 18 đường P, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 54, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và 110 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 6 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Ngô Thị H và ông Lê Đình S.  
(Giấy chứng nhận kết hôn số 11, quyển số 01, ngày 15/5/2000 do Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Đ, tỉnh L cấp hết hiệu lực).

**2.** Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị H và ông Lê Đình S thuận tình ly hôn.

Về con chung: Có 03 con chung tên là Lê Đình Ngọc Q, sinh ngày 06/9/2000 (đã trưởng thành); Lê Đình Minh A, sinh ngày 11/4/2007 và Lê Đình Thiên P, sinh ngày 04/11/2009. Ông S trực tiếp nuôi dưỡng trẻ A và trẻ P cho đến khi con đủ 18 tuổi và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà H có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của bà Ngô Thị H đối với yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân (do bà Ngô Thị H rút đơn một phần yêu cầu khởi kiện ngày 26/6/2020 và được Tòa án chấp nhận)

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên tòa không xét.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà H phải chịu 75.000 đồng, ông S phải chịu 75.000 đồng, bà Hằng tự nguyện chịu thay án phí cho ông S nhưng được cân trừ vào tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0001274 ngày 06/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoàn trả cho bà H số tiền 150.000 đồng.

- Hoàn lại cho bà Ngô Thị H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 60.437.500 đồng (Sáu mươi triệu bốn trăm ba mươi bảy ngàn năm trăm đồng) theo biên lai đã nộp số AA/2019/0001275 ngày 06/8/2019 và 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai đã nộp số AA/2019/0025399 ngày 30/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận G.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận :**

- Đương sự;
- VKSND quận G;
- UBND xã Q, huyện Đ, tỉnh L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Quỳnh Trang**